

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày: 22 - 11 - 2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;

2. Ông Nguyễn Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tô Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát V.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2021, về việc *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST - DS ngày 08/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-DS ngày 28/9/2021 và thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 25/10/2021, giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: 1. Ông Nguyễn Quốc Kh, sinh năm 1963;

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966 (tên gọi khác là Ph);

Cùng địa chỉ: Thôn Q Th, xã Th Th, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V là ông Nguyễn Quốc Kh, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Q Th, xã Th Th, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị S; Sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn Th H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông Kh, vắng mặt bà S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2021, bản tự khai ngày 08 tháng 6 năm 2021 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Quốc Kh trình bày:

Ngày 07 tháng 7 năm 2008 vợ chồng tôi có cho bà Bùi Thị S; địa chỉ: Tiểu khu 12 thị trấn Vạn Hà (nay là tiểu khu 2, thị trấn Thiệu Hóa), huyện Thiệu Hóa vay số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Khi vay bà S có viết giấy vay tiền và hứa trả lãi cho vợ chồng tôi hàng tháng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn), giấy vay tiền tự tay bà S viết, trong giấy vay tiền không nói thời hạn trả, nhưng bà S nói miệng với vợ chồng tôi khi nào vợ chồng tôi cần báo bà S sẽ trả. Sau khi vay đến ngày 24/9/2008 âm lịch vợ tôi lên nhà hỏi tiền nợ thì bà S trả cho vợ chồng tôi được 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi. Kể từ tháng 10 năm 2008 đến nay bà S chưa trả cho vợ chồng tôi được đồng lãi nào. Sau đó vợ chồng tôi đã nhiều lần lên nhà bà S để yêu cầu bà S thanh toán nợ, nhưng bà S vẫn không trả. Nay tôi yêu cầu bà Bùi Thị S phải trả khoản tiền gốc đã vay của vợ chồng tôi là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), về số tiền lãi tôi không yêu cầu bà S phải trả.

Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Quốc Kh ngày 20/7/2021, ông Kh khẳng định vợ chồng ông có cho bà Bùi Thị S vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Khi vay bà S có viết giấy vay tiền và hứa trả lãi cho vợ chồng tôi hàng tháng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn). Vợ chồng ông mới nhận được 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi. Vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu bà S trả nợ nhưng bà S vẫn không trả. Vì vậy ông Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà S phải trả số tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), ông Kh không yêu cầu bà S phải trả tiền lãi.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự hợp lệ cho bà Bùi Thị S, tuy nhiên bà S không đến Tòa án để làm bản tự khai trình bày quan điểm của bà về vụ án. Thời điểm Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bà S được tổng đạt hợp lệ thông báo nhưng bà S không có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa để làm việc. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ông Kh thừa nhận vợ chồng ông đã yêu cầu bà S trả nợ từ tháng 12 năm 2008 đến nay nhưng bà S vẫn không trả, vì vậy ông Kh vẫn giữ nguyên quan điểm như yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Bùi Thị S phải thanh toán toàn bộ số nợ là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) cho vợ chồng ông, về lãi suất ông không yêu cầu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2

Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; điều 474; khoản 2 điều 477 Bộ Luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc Kh và bà Nguyễn Thị V. Buộc bị đơn bà Bùi Thị S phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc Kh số tiền nợ: 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. HĐXX nhận định.

[1].Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Quốc Kh khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị S trả lại số tiền là tài sản mà bà S đã vay của ông bà, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà Bùi Thị S có hộ khẩu và nơi cư trú tại thôn tiểu khu 2, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Bùi Thị S đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà S.

[2].Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Quốc Kh vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu bà Bùi Thị S phải thanh toán số tiền nợ cho vợ chồng bà là 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng), ông Kh không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền vay. Xét giấy vay tiền thì thấy ngày 07/7/2008 bà Bùi Thị S viết giấy vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Quốc Kh số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), trong giấy vay tiền thỏa thuận lãi suất là 1.800.000đ/ tháng, nhưng không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tuy nhiên sau khi vay tiền cho đến tháng 9 năm 2008 bà S mới trả cho vợ chồng ông Kh được 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi. Kể từ tháng 10/2008 đến nay bà S không trả lãi, vợ chồng ông Kh đã nhiều lần yêu cầu bà S trả số tiền nợ, nhưng bà S không có động thái trả nợ. Như vậy bà Bùi Thị S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho vợ chồng ông Kh. Nguyên đơn là ông Kh, bà V yêu cầu bà S phải thanh toán lại số tiền nợ 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) là phù hợp và có căn cứ chấp nhận. Về lãi suất nguyên đơn ông Kh, bà V không yêu cầu tính, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử miễn xét. Thời điểm các bên ký kết hợp đồng vay tài sản là năm 2008, vì vậy cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 là phù hợp và đúng với quy định của pháp luật.

[3].Về án phí: Bà Bùi Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 471; điều 474; khoản 2 điều 477 Bộ Luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 6; Điều 9; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc Kh và bà Nguyễn Thị V. Buộc bị đơn bà Bùi Thị S phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc Kh số tiền: 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự hoặc khi pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị S phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Trả lại ông Nguyễn Quốc Kh số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000đ (Một triệu đồng) tại phiếu thu số: AA/2018/0007484 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ông Nguyễn Quốc Kh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Bùi Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH V HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

